

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC 2.0

TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN

1. Mở đầu

Giáo dục Việt Nam đã trải qua 26 năm đổi mới và phát triển, gắn liền với tiến trình đổi mới toàn diện của đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Bản chất của tiến trình đổi mới giáo dục này là chuyển từ một nền giáo dục phục vụ kinh tế kế hoạch hóa sang nền giáo dục vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô hình giáo dục chưa từng có trong lịch sử; Việt Nam phải tự tìm lấy lời giải từ quá trình tìm tòi, thử nghiệm và sáng tạo. Bởi thế, tiến trình đổi mới giáo dục nước ta trong suốt thời gian qua được thực hiện bằng những bước đi thận trọng trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đảng và được cụ thể hóa bằng việc đổi mới từng phần, trước từng vấn đề nảy sinh, trong từng giai đoạn phát triển của giáo dục.

Việc đổi mới từng phần đó đã tạo nên các điểm mốc đánh dấu tiến trình đổi mới giáo dục nước ta, đó là: Năm 1987, Hội nghị về Đổi mới giáo dục phổ thông (Vũng Tàu), Hội nghị về Đổi mới giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (Nha Trang) mở đường cho *tư duy đa dạng hóa, dân chủ hóa và xã hội hóa giáo dục*. Năm 1993, Nghị định 90/CP của Chính phủ quy định cơ cấu khung của *hệ thống giáo dục quốc dân* là một bước tiến đưa sự vận động của hệ thống giáo dục nước ta phù hợp với yêu cầu chuyển đổi của nền kinh tế và tương thích với giáo dục thế giới. Năm 1998, Luật Giáo dục được ban hành, khẳng định sự chuyển đổi của *mô hình quản lý giáo dục* từ quản lý bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý trên cơ sở pháp luật. Năm 2000, Nghị quyết 40 của Quốc hội về Đổi mới *chương trình giáo dục phổ thông* tạo cơ sở cho việc xây dựng môi trường giáo dục mới, trong đó người học là trung tâm. Năm 2004, Chỉ thị 40 của Ban Bí thư Trung ương mở đường cho chương trình hành động xây dựng, nâng cao chất lượng *đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*. Năm 2005, Nghị quyết 14 của Chính phủ xác lập hệ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để đổi mới cơ bản, toàn diện *giáo dục đại học Việt Nam*....

Hiển nhiên, trước tính phức tạp và hoàn toàn mới của bài toán chuyển đổi giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc tìm tòi bước đi bằng quá trình đổi mới từng phần như trên là cần thiết và đúng đắn; những kết quả đạt được rất quan trọng, đặc biệt là sự phát triển về quy mô và mở rộng mạng lưới. Tuy nhiên, cái giá phải trả là sự luẩn quẩn trong đổi mới, nghĩa là sự tích tụ của những vấn đề nảy sinh. Những yếu kém về chất lượng và hiệu quả,

về cơ cấu phát triển, về công bằng xã hội đã tích tụ lại trong một quá trình phát triển thiên về xử lý tình huống và đang đặt giáo dục trước những thách thức gay gắt của một bối cảnh kinh tế-xã hội đã khác trước rất nhiều.

Nguyên nhân cơ bản của những yếu kém dai dẳng này là do thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ, dẫn đến cách đổi mới chấp vá như Đại hội X của Đảng đã chỉ ra.

Đó là bức tranh chung về đổi mới giáo dục nước ta trong 26 năm qua với những thành công và bất cập của nó. Chúng ta sẽ gọi đó là đổi mới giáo dục 1.0, với các phiên bản 1.1, 1.2, 1.3 v.v... tương ứng với những đổi mới từng phần của tiến trình đổi mới này. Thành công của nó là đã định hình được những đường viền cơ bản của một "thế giới quan" về giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với mô hình phát triển kinh tế theo chiều rộng. Bất cập của nó là sự chấp vá, dẫn tới *cái bầy của sự đổi mới*, mà biểu hiện cụ thể là sự tích tụ những yếu kém về chất lượng và hiệu quả cùng những tiêu cực trong quản lý và điều hành, khiến giáo dục trở nên tụt hậu trước những yêu cầu mới của phát triển kinh tế-xã hội.

2. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội là chủ trương được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Chủ trương này nói lên quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng một mô hình phát triển mới của giáo dục, một mặt khắc phục cái bầy của sự đổi mới chấp vá trong 26 năm qua, mặt khác tạo tiền đề để giáo dục thực sự góp phần vào việc thực hiện một trong các đột phá chiến lược là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thực ra, chủ trương về việc xây dựng một mô hình phát triển mới của giáo dục đã có từ Đại hội Đảng X. Trên cơ sở phê phán sự chấp vá trong đổi mới, Đại hội X đã yêu cầu: *"Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục"*. Có điều yêu cầu này đã bị bỏ quên suốt 5 năm qua và chưa đi vào

cuộc sống. Nguyên nhân là do đến năm 2008 nước ta vẫn là nước thu nhập thấp, mô hình phát triển kinh tế vẫn chủ yếu là mô hình phát triển theo chiều rộng (dựa vào tăng vốn đầu tư, lao động giá rẻ và xuất khẩu tài nguyên); bối cảnh đó không đặt ra yêu cầu bức bách về học suốt đời (HSD).

Tuy nhiên, giờ đây nước ta đã trở thành nước thu nhập trung bình. Để không bị mắc kẹt trong cái bẫy của nước thu nhập trung bình, một nhiệm vụ cấp bách được đặt ra là phải tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Mô hình tăng trưởng mới sẽ chủ yếu là mô hình phát triển theo chiều sâu, dựa trên sự phát huy của nhân tố năng suất tổng hợp, bao gồm tiến bộ khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao, kĩ năng quản lí hiện đại. Sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng này vừa là tiền đề vừa là yêu cầu để chủ trương của Đại hội Đảng X về một mô hình giáo dục mở với hệ thống HSD được hiện thực hóa và đi vào cuộc sống.

Như vậy, qua các chủ trương phát triển giáo dục của Đảng trong sự vận động biện chứng gắn liền với bối cảnh kinh tế-xã hội của đất nước, có thể *nói bài toán đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân quy về bài toán xây dựng mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống HSD.*

3. Đổi mới giáo dục 2.0

Khái niệm HSD đã được đưa vào chính sách giáo dục Việt Nam từ năm 1993 trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII). Đề án xây dựng xã hội học tập cũng đã được triển khai từ năm 2005 theo Quyết định 112 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, còn rất nhiều rào cản trên con đường vận động của giáo dục Việt Nam hướng tới một hệ thống HSD đích thực. Bản thân khái niệm HSD vẫn chưa có cách hiểu thống nhất và rõ ràng, nó thường được đánh đồng với giáo dục không chính quy, giáo dục giành cho người lớn, giáo dục ngoài nhà trường. Cách hiểu đó khác xa với cách hiểu được công nhận rộng rãi giờ đây trên thế giới, theo đó HSD bao gồm học chính quy, không chính quy và phi chính quy, trong mối quan hệ bình đẳng, liên thông và chuyển đổi lẫn nhau. Rào cản về khái niệm này là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến những rào cản khác trong việc xây dựng một hệ thống HSD đích thực ở nước ta, cụ thể là các rào cản về thể chế, về cơ cấu hệ thống, về chương trình giáo dục, về quản lí, về tài chính, về đào tạo giáo viên.

Về bản chất, xây dựng hệ thống HSD là chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất của giáo dục. Nó đòi hỏi sự đoạn tuyệt với mô hình giáo dục truyền thống trên nhiều phương diện. Nhà giáo không còn là nguồn cung cấp tri thức mà trở thành người dẫn dắt tới các nguồn tri thức. Người học không chỉ còn là học sinh, sinh viên trong trường mà là bất kì ai, ở mọi lứa tuổi. Việc dạy và học chuyển trọng tâm từ tri thức sang năng lực, trong đó ưu tiên là năng lực sáng tạo, áp

dụng, phân tích, tổng hợp tri thức, năng lực làm việc theo nhóm, năng lực học cách học, năng lực phê phán v.v... Công tác đánh giá không còn nhằm loại trừ ai mà có mục đích chính là chỉ ra cách học thích hợp và định hướng cho người học con đường tiếp tục trong học tập. Chẳng còn ai bị bỏ rơi, người nào cũng có cơ hội học tập đến cùng suốt cuộc đời mình.

Mặc dù chúng ta đã nói rất nhiều và nói thường xuyên về HSD nhưng giáo dục nước ta vẫn đang dậm chân trong mô hình truyền thống với nhà trường khép kín trong công thức 2-4-8 (2 bìa sách giáo khoa, 4 bức tường lớp học, 8 giờ làm việc hành chính quan liêu), việc học hướng tới thi cử và loại trừ, người học chăm chăm có một tấm bằng để sử dụng trong suốt cuộc đời.

Mô hình truyền thống thích hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng và đang trở thành rào cản trong bước chuyển sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Vì thế, đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân trong giai đoạn phát triển mới của đất nước chính là sự chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình HSD, theo nghĩa đích thực của nó. Điều đó kéo theo sự đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân, từ cơ cấu hệ thống, tổ chức nhà trường, chương trình giáo dục, đến công tác quản lí, cơ chế tài chính, đào tạo giáo viên.

Như thế, đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục quốc dân sẽ là một giai đoạn phát triển mới về chất trong tiến trình đổi mới giáo dục. Nó là đổi mới giáo dục 2.0, với một mô hình phát triển đã được xác định ngay từ đầu, trong một tiếp cận tổng thể và tầm nhìn dài hạn.

Dĩ nhiên, để thực hiện đổi mới 2.0 cần có lộ trình phù hợp, trong đó quan trọng nhất là xác định các khâu đột phá. Các khâu đột phá này là: 1/ Đổi mới cơ chế quản lí giáo dục để tạo điều kiện và động lực cho bước chuyển từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục mở với hệ thống HSD; 2/ Cải cách đào tạo giáo viên để chuẩn bị nguồn nhân lực đủ năng lực thực thi các yêu cầu mới của đổi mới giáo dục 2.0.

4. Đổi mới cơ chế quản lí giáo dục

26 năm đổi mới vừa qua, khi chúng ta phát triển chủ yếu theo chiều rộng ở mọi lĩnh vực, chúng ta đã có cơ chế thích hợp. Đó là cơ chế tương đối đơn giản, gọi là cơ chế 1.0 tương thích với đổi mới giáo dục 1.0, tập trung vào các chính sách cởi trói, dỡ bỏ các ràng buộc vô lí của một nhà nước bao cấp. Thành công của cơ chế này là đã giải phóng năng lượng vốn có trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội, trong đó có giáo dục, đem lại nguồn lực và động lực cho phát triển.

Giờ đây, khi đất nước đã trở thành một nước thu nhập trung bình, lại hội nhập sâu rộng với thế giới, thì hệ thống kinh tế-xã hội trở thành phức tạp và đa dạng

hơn trước rất nhiều. Bản thân giáo dục cũng đã khác xa về quy mô phát triển, về mạng lưới trường lớp, với yêu cầu cao hơn về chất lượng và hiệu quả, cùng hệ thống chính sách phong phú và quan hệ quốc tế rộng mở. Hội nhập quốc tế về giáo dục còn đặt giáo dục trước những câu hỏi mới, lựa chọn mới, cơ hội mới, thách thức mới.

Trong khi đó, cơ chế vận hành hệ thống vẫn chủ yếu là cơ chế cởi trói, tìm cách tháo gỡ các nút thắt, khơi thông các tắc nghẽn. Cơ chế này có vận dụng mô hình quản lý công mới, được từng bước nâng cấp thành các phiên bản 1.1, 1.2 v.v..., nhưng chủ yếu trong khuôn khổ của một cải cách từng phần, một đổi mới chấp vá, không còn phù hợp với giai đoạn phát triển mới về chất. Đặc trưng cơ bản của cơ chế này là lấy nhà quản lý làm trung tâm. Cơ chế này cũng mới chỉ tập trung chủ yếu vào mối quan hệ giữa nhà nước và nhà trường. Hình như chúng ta quên mất rằng, cùng với tiến trình đổi mới, bên cạnh nhà nước đã dần hình thành hai khu vực mới là thị trường và xã hội dân sự.

Như thế, cơ chế mới, ngoài việc xử lý khéo léo tính phức tạp và đa dạng của hệ thống, còn phải tính đến vai trò và tác động của cả ba khu vực – nhà nước, thị trường, xã hội dân sự – trong đời sống kinh tế-xã hội nói chung, trong giáo dục nói riêng. Nó phải thay cơ chế cởi trói bằng cơ chế trao quyền. Từ đó, chuyển cách tiếp cận từ cơ chế quản lý lấy nhà quản lý làm trung tâm sang cơ chế quản lý lấy nhà trường, nhà giáo, người học làm trung tâm.

Cơ chế mới sẽ khác về chất với cơ chế trước đây. Đó sẽ là cơ chế 2.0, thông minh hơn, tinh xảo hơn, hoàn hảo hơn, tương thích với đổi mới giáo dục 2.0. Nó không dừng lại ở sự cởi trói nữa mà phải hướng tới việc trao quyền, tạo ra một không gian khoáng đạt, dân chủ và kỉ cương trong giáo dục, nơi hệ thống giáo dục được tái cấu trúc, nhà giáo chân chính sống được bằng lương, các cơ hội học tập theo nhu cầu xã hội và nhu cầu cá nhân được rộng mở, các ý kiến được lắng nghe, các tranh luận được khuyến khích, các ý tưởng được trân trọng, các tài năng được trọng dụng, các sở trường được phát huy, các đối trá, gian lận, cơ hội, đạo đức giả, được đào thải.

5. Cải cách đào tạo giáo viên

Từ năm 2000 đến nay, đào tạo giáo viên ở Việt Nam bước vào tiến trình đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông. So với nhiều nước đang phát triển khác, điểm mạnh nổi trội của Việt Nam là có chính sách giáo viên nhất quán, trong đó xây dựng đội ngũ nhà giáo luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện các chiến lược phát triển giáo dục. Quan điểm nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, cùng yêu cầu nhà giáo phải không ngừng học tập, rèn

luyện nêu gương tốt cho người học, đã được thể chế hóa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục và là bộ phận hữu cơ của tổng thể chính sách nhà nước nhằm nâng cao năng lực và động lực của đội ngũ. Yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới đào tạo giáo viên nói riêng đã trở thành nhận thức chung không chỉ trong ngành Giáo dục mà của toàn xã hội.

Tuy nhiên, điểm mạnh đó vẫn bị đóng khung trong các giới hạn của đổi mới giáo dục 1.0. Bằng chứng là ở chỗ, mặc dù đã có nhiều nỗ lực đổi mới nhưng đào tạo giáo viên ở nước ta vẫn đang luẩn quẩn trong *cái bẫy của sự đổi mới chấp vá*, nghĩa là cho đến nay chúng ta vẫn mắc kẹt trong một mô hình đào tạo cũ, đã lỗi thời, mô hình đào tạo 1.0, với những đặc trưng sau đây: 1/ Mẫu hình giáo viên mà nó hướng tới vẫn là mẫu hình giáo viên truyền thống với nhiệm vụ chính là truyền thụ kiến thức trên lớp học; 2/ Hệ thống đào tạo giáo viên vẫn là một hệ thống khép kín với những nhà trường chuyên ngành đóng khung trong một mô hình đào tạo cứng nhắc, ít gắn kết với cộng đồng và nhà trường phổ thông; 3/ Quá trình đào tạo giáo viên vẫn là một quá trình chia cắt không có sự gắn bó giữa đào tạo ban đầu với đào tạo tiếp tục, giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Mô hình đào tạo giáo viên 1.0, khép kín và chia cắt nói trên tương thích với mô hình giáo dục truyền thống, trong đó việc học hướng tới thi cử, nhà trường phổ thông gói gọn trong công thức 2-4-8. Mô hình này sẽ trở thành rào cản khi chuyển sang mô hình giáo dục mở với hệ thống HSD, trong đó nhà trường được tổ chức đa dạng, tự chủ, dân chủ, canh tân và sáng tạo trong dạy và học; nhà giáo là nhà sư phạm chuyên nghiệp với một phổ vai trò phức tạp trong lớp học, trường học và cộng đồng.

Vì vậy, cần xây dựng và triển khai một mô hình đào tạo giáo viên mới, mô hình đào tạo 2.0, với những đặc trưng mới sau đây: 1/ Mẫu hình giáo viên mà nó hướng tới là mẫu hình giáo viên chuyên nghiệp có năng lực xử lý tin cậy và phù hợp trước những tình huống khác nhau (về người học, về bối cảnh) vì lợi ích của người học và đạo đức nghề nghiệp; 2/ Hệ thống đào tạo giáo viên phải là hệ thống mở, mở trong tuyển sinh, trong đào tạo; trong quan hệ với nhà trường phổ thông, trong hội nhập quốc tế; 3/ Quá trình đào tạo giáo viên phải là quá trình liên tục, trong đó các giai đoạn đào tạo (đào tạo ban đầu, giai đoạn tập sự, đào tạo tại chức, đào tạo tiếp tục, phát triển đội ngũ, tham gia các nghiên cứu khoa học về giáo dục) nằm trong quan hệ gắn bó, bổ sung cho nhau.

Hiển nhiên, mô hình đào tạo 2.0 là bước chuyển về chất so với mô hình đào tạo 1.0. Bước chuyển này

(Xem tiếp trang 6)